

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

Số: 196 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Đắk Nông, ngày 19 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán kinh phí thực hiện Dự án “Điều tra, khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất – tỉnh Đắk Nông”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 271/TTr-STNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024; Công văn số 362/STNMT-KSTNN ngày 13 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất phải phù hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định phương án, lộ trình thực hiện các biện pháp cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất (nếu có) đối với công trình khai thác nước dưới đất của mình theo quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường



a) Công bố Phương án trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo quy định.

b) Thông báo tới các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất có công trình khai thác nước thuộc các vùng cấm, vùng hạn chế và đồng thời hướng dẫn việc thực hiện các biện pháp cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất theo phương án đã quy định.

c) Đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện phương án.

3. Giao các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch và giải pháp cấp nước cho các tổ chức, cá nhân nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; vận động các tổ chức, cá nhân trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất sử dụng hệ thống cấp nước tập trung do các đơn vị cấp nước cung cấp.

4. Giao UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tổ chức tuyên truyền, giám sát các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất thực hiện phương án. Định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 2

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT (N).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên



**PHƯƠNG ÁN, LỘ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC CẤM, HẠN
CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**
(Kèm theo Quyết định số 196 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025
của UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Nguyên tắc xây dựng Phương án, lộ trình thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất

Việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất dựa theo các nguyên tắc sau:

- a) Bảo đảm yêu cầu bảo vệ nguồn nước dưới đất, đồng thời phải bảo đảm hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- b) Tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất được áp dụng cụ thể đối với từng vùng, từng khu vực cấm, hạn chế nước dưới đất và thứ tự thực hiện đối với từng đối tượng, trường hợp theo quy định của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ. Không áp dụng các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất khác với các biện pháp quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ;
- c) Ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai và phòng cháy, chữa cháy;
- d) Việc thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất phải theo kế hoạch, lộ trình phù hợp được phê duyệt, bảo đảm không gây gián đoạn việc cấp nước, trừ trường hợp sự cố, gây sụt, lún đất hoặc các tình huống khẩn cấp cần phải xử lý, trám lấp giếng để khắc phục sự cố;
- đ) Việc thực hiện các biện pháp cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất mà có liên quan đến trám lấp giếng thì thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về xử lý, trám lấp giếng không sử dụng; trường hợp liên quan đến cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi, cấp lại giấy phép khai thác tài nguyên nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước;
- e) Việc cấm khai thác nước dưới đất áp dụng cho mọi tổ chức, cá nhân có hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất; việc hạn chế khai thác nước dưới đất chỉ áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất thuộc trường hợp phải có giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc thuộc trường hợp phải đăng ký khai thác nước dưới đất theo quy định, không áp dụng đối với trường hợp phải kê khai khai thác, sử dụng nước dưới đất cho sinh hoạt của hộ gia đình và các hoạt động cấp nước cho sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai và phòng cháy, chữa cháy.

2. Phương án, lộ trình thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất

- a) Trong phạm vi vùng cấm khai thác nước dưới đất thì cấm toàn bộ hoạt động thăm dò nước dưới đất, xây dựng mới công trình khai thác nước dưới đất, bao gồm cả trường hợp khai thác, sử dụng nước dưới đất cho sinh hoạt của hộ gia

đình; các giếng khoan khai thác nước cho sinh hoạt của hộ gia đình thì thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác;

b) Trong phạm vi vùng hạn chế 2, các công trình thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

Danh mục các công trình và phương án, lộ trình thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được thể hiện tại *Phụ lục*. 

Phụ lục
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THUỘC VÙNG CẤM, VÙNG HẠN CHẾ 2

TT	Số hiệu giếng khai thác	Tên Đơn vị/Chủ hộ	Toạ độ VN2000 (KTT 108 ⁰ 30', múi 3 ⁰)		Đơn vị hành chính	Mục đích sử dụng	Tầng chứa nước khai thác	Lưu lượng đề nghị khai thác (m ³ /ngày)	Vùng cấm, vùng hạn chế	Phương án, lộ trình thực hiện
			X (m)	Y (m)						
I	Vùng xảy ra sụt, lún nền đất (các công trình không có phép)									
1	GK01	Nguyễn Trung Hậu	1330180	411403	Tổ 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa	cấp nước sinh hoạt	β(n-qp)	0,5	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác.
2	GĐ02	Nguyễn Văn Hồng	1330160	411447	Tổ 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa	cấp nước sinh hoạt	β(n-qp)	1	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác.
3	GĐ03	Lê Thế Bằng	1330223	411449	Tổ 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa	cấp nước sinh hoạt	β(n-qp)	0	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng.
4	GK04	Nguyễn Xuân Thắng	1330226	411454	Tổ 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa	cấp nước sinh hoạt	β(n-qp)	1,5	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác.
5	GĐ05	Nguyễn Văn Hải	1330245	411457	Tổ 9, phường Nghĩa Thành,	cấp nước sinh hoạt	β(n-qp)	0	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng.

TT	Số hiệu giếng khai thác	Tên Đơn vị/Chủ hộ	Toạ độ VN2000 (KTT 108°30', múi 3°)		Đơn vị hành chính	Mục đích sử dụng	Tầng chứa nước khai thác	Lưu lượng đề nghị khai thác (m³/ngày)	Vùng cấm, vùng hạn chế	Phương án, lộ trình thực hiện
			X (m)	Y (m)						
					thành phố Gia Nghĩa					
6	GĐ06	Nguyễn Xuân Bảy	1330279	411482	Tổ 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa	cấp nước sinh hoạt	$\beta(n-qp)$	0	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng.
7	GĐ07	Nguyễn Sửu	1330247	411482	Tổ 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa	cấp nước sinh hoạt	$\beta(n-qp)$	0	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng.
8	GĐ08	Nguyễn Lan	1330238	411458	Tổ 9, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa	cấp nước sinh hoạt	$\beta(n-qp)$	0	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng.
9	GĐ09	Nguyễn Văn Hoàng	1355949	376768	Thôn 3, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức	cấp nước sinh hoạt	$\beta(n-qp)$	1	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác.
10	GĐ10	Điền Chui	1355916	376782	Thôn 3, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức	cấp nước sinh hoạt	$\beta(n-qp)$	1	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác.



TT	Số hiệu giếng khai thác	Tên Đơn vị/Chủ hộ	Toạ độ VN2000 (KTT 108°30', múi 3°)		Đơn vị hành chính	Mục đích sử dụng	Tầng chứa nước khai thác	Lưu lượng đề nghị khai thác (m³/ngày)	Vùng cấm, vùng hạn chế	Phương án, lộ trình thực hiện
			X (m)	Y (m)						
11	GĐ11	Thị Vy, B Luyên, S Rớ, R Ngực, Dũng, Mrau	1355859	376799	Thôn 3, xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức	cấp nước sinh hoạt	$\beta(n-qp)$	3,5	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác.
12	GĐ12	Điều Bai	1355935	376800	Thôn 3, xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức	cấp nước sinh hoạt	$\beta(n-qp)$	1	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác.
13	GĐ13	Nguyễn Anh Thọ	1329448	390078	Thôn 8, xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức	cấp nước sinh hoạt	$\beta(n-qp)$	1,5	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác.
14	GK14	Lê Phi Long	1346959	385330	Thôn 5, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức	cấp nước sinh hoạt, nông nghiệp	$\beta(n-qp)$	25	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác.
15	GĐ15	Trần Thị Vân	1352089	395034	Đắk Rmô2, xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song	cấp nước sinh hoạt	$\beta(n-qp)$	0	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng.

TT	Số hiệu giếng khai thác	Tên Đơn vị/Chủ hộ	Toạ độ VN2000 (KTT 108 ⁰ 30', múi 3 ⁰)		Đơn vị hành chính	Mục đích sử dụng	Tầng chứa nước khai thác	Lưu lượng đề nghị khai thác (m ³ /ngày)	Vùng cấm, vùng hạn chế	Phương án, lộ trình thực hiện
			X (m)	Y (m)						
16	GĐ16	Nguyễn Văn Dừa	1341959	412475	Thôn 8, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song	cấp nước sinh hoạt	$\beta(n-qp)$	2	Vùng cấm	Thực hiện việc trám lấp giếng sau khi được thay thế bằng nguồn nước khác.
II Vùng có mực nước dưới đất bị suy giảm liên tục và nguy cơ vượt ngưỡng khai thác nước dưới đất (các công trình không có phép)										
1	VCĐN.3	Xã Đắk Plao	1321160	428793	Xã Đắk Plao, huyện Đắk Glong	cấp nước sinh hoạt	$\beta(n-qp)$	70	HC2	Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.
2	VCĐN.7	Xã Quảng Thành	1333365	414105	Xã Quảng Thành, Thành phố Gia Nghĩa	cấp nước sinh hoạt	$\beta(n-qp)$	161	HC2	Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.
3	VCĐN.15	Xã Đắk R'là	1381142	416384	Xã Đắk R'là, huyện Đắk Mil	cấp nước sinh hoạt	$\beta(n-qp)$	86	HC2	Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.
4	VCĐN.16	Xã Đắk R'là	1381641	416293	Xã Đắk R'là, huyện Đắk Mil	cấp nước sinh hoạt	$\beta(n-qp)$	129	HC2	Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.